

## TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC TẠI VƯỜN QUỐC GIA XUÂN SƠN - PHÚ THỌ

Trần Minh Hối, Nguyễn Quang Hưng,  
Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Anh Tuấn

## Medicinal plant resources in Xuanson National Park, Phutho Province

(Summary)

*In the flora of Xuan Son National Park, we have collected and studied the medicinal plant resource - 665 species, representing 54.6% in the flora. The medicinal plants group is very rich in species composition. The families with the most species are: Euphorbiaceae - 45 species; Asteraceae - 30 species; Fabaceae - 29 species; Rubiaceae - 27 species; Moraceae - 18 species; Verbenaceae - 17 species; Menispermaceae - 15 species; Myrsinaceae and Zingiberaceae - 14 species; Araliaceae, Rutaceae and Orchidaceae - 13 species; Lamiaceae and Poaceae - 12 species; Scrophulariaceae and Vitaceae - 11 species; Araceae and Polypodiaceae - 10 species. There are 22 endangered medicinal species listed in the Red Data Book of Vietnam (2004), in Vietnam Medicinal Plants Red List (2006) and IUCN Red List of Threatened Plants (2001) and 25 medicinal potential species to be exploited in Xuan Son National Park.*

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vườn Quốc Gia (VQG) Xuân Sơn nằm trên địa phận hành chính các xã Xuân Sơn, Đồng Sơn, Xuân Đài, Kim Thượng về phía Tây của huyện Thanh Sơn, trên vùng tam giác ranh giới giữa 3 tỉnh: Phú Thọ, Hoà Bình và Sơn La; ở toạ độ địa lý: 21°03' đến 21°12' vĩ Bắc và 104°51' đến 105°01' kinh Đông; độ cao từ 200 m đến 1.384 m, có diện tích vùng lõi là 15.048 ha, vùng đệm là 18.639 ha trong vùng đồi núi thấp và trung bình thuộc lưu vực sông Bứa, nơi kết thúc của dãy núi Hoàng Liên. VQG nằm trong khu vực xen kẽ giữa núi đất và núi đá vôi. Hệ sinh thái rừng ở đây rất điển hình của miền Bắc Việt Nam. VQG Xuân Sơn được nhân dân tỉnh Phú Thọ coi là lá phổi xanh của tỉnh bởi lẽ nơi đây duy nhất còn lại khu rừng tự nhiên giàu trữ lượng.

Trong VQG có 10 xóm đó là: Xóm Cỏi, Lấp, Dù, Lạng, Lùng Măng (xã Xuân Sơn), xóm Thân (xã Đồng Sơn), xóm Nước Thang (xã Xuân Đài), xóm Xoan, Tân Ong, Hạ Bằng (xã Kim Thượng) với khoảng 3.000 khẩu sống trong vùng lõi của VQG. Dân cư trong vùng có 2 dân tộc chính: Người Dao (chiếm 65,42%) và Mường (chiếm 34,43% dân số), chỉ có 4 khẩu người Kinh sinh sống tại đây. Người Dao phân bố ở các xóm Dù, Cỏi, Lùng Măng, Xoan, Tân Ong, Hạ Bằng và Thân. Các cộng đồng dân tộc ở đây, đặc biệt là dân tộc Dao từ lâu đời đã có kinh nghiệm trong sử dụng nguồn cây thuốc trong tự nhiên để làm thuốc chữa bệnh và bồi bổ sức khoẻ.

Nguồn tài nguyên cây thuốc có vị trí rất quan trọng trong nguồn tài nguyên sinh vật nói chung ở VQG Xuân Sơn. Đánh giá đầy đủ hiện trạng của chúng làm cơ sở xây dựng chiến lược quản lý, bảo tồn và phát triển trong tương lai là việc hết sức cần thiết; trên cơ sở đó đề xuất giải pháp bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, khai thác hợp lý và phát triển bền vững nguồn tài nguyên quý giá này góp phần cải thiện đời sống của người dân địa phương. Bài viết nêu lên kết quả điều tra nghiên cứu về hiện trạng tài nguyên cây làm thuốc ở VQG Xuân Sơn.

## II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

(+) Điều tra ngoài thực địa theo ô tiêu chuẩn và theo 3 tuyến khảo sát khu vực VQG Xuân Sơn - Phú Thọ:

Tuyến xóm Dù - xóm Lạng - xóm Lùng Măng; tuyến xóm Dù - núi Ten;

Tuyến xóm Dù - xóm Lấp - xóm Cỏi và núi Cản) để thu mẫu về giám định tên và phân tích trong phòng thí nghiệm. (+) Điều tra trong nhân dân (qua các thầy lang y người dân tộc Dao) về tập quán khai thác và sử dụng các loài thực vật làm thuốc của cộng đồng các dân tộc sống trong VQG.

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

## 1. Thành phần hệ thực vật

Kết quả điều tra từ năm 2003 đến 2005 theo các mùa, hướng khác nhau chúng tôi đã thu được 1.250 số hiệu tiêu bản với gần 4.000 mẫu tiêu bản thực vật. Sau khi xử lý ngâm tẩm để bảo quản, tiến hành xác định tên khoa học cho các mẫu vật thu được, các tiêu bản thu

\* PGS.TS. Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật. E-mail: tranhoi@iebr.vast.ac.vn

được, chúng tôi phân tích, giám định tên khoa học và lên được danh lục hệ thực vật ở VQG Xuân Sơn với 180 họ, 680 chi, 1.217 loài thực vật bậc cao có mạch (xem bảng 1).

**Bảng 1. Sự phân bố các taxon khác nhau trong hệ thực vật ở VQG Xuân Sơn**

| Tên khoa học   | Tên Việt Nam         | Số họ | Số chi | Số loài |
|----------------|----------------------|-------|--------|---------|
| Psilotophyta   | Ngành Quyết lá thông | 1     | 1      | 1       |
| Lycopodiophyta | Ngành Thông đất      | 2     | 3      | 6       |
| Equisetophyta  | Ngành Cỏ thắp bút    | 1     | 1      | 1       |
| Polypodiophyta | Ngành Dương xỉ       | 22    | 38     | 74      |
| Pinophyta      | Ngành Thông          | 3     | 4      | 5       |
| Magnoliophyta  | Ngành Mộc lan        | 151   | 633    | 1.130   |
|                | Tổng                 | 180   | 680    | 1.217   |

Kết quả ghi trên bảng 1 cho thấy, hệ thực vật VQG Xuân Sơn rất phong phú và đa dạng, thể hiện ở sự có mặt của cả 6 ngành chính thực vật bậc cao có mạch. Sự phân bố của các taxon trong các ngành rất khác nhau; trong 6 ngành thực vật bậc cao có mạch, ngành Mộc lan (Magnoliophyta) có số họ, chi và loài phong phú nhất (với các giá trị tương ứng: 151 họ – chiếm 83,88%, 633 chi – chiếm 93,08% và 1.130 loài – chiếm 92,85%); tiếp đến là ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) với 22 họ (chiếm 12,22%), 38 chi (chiếm 5,58%) và 74 loài (chiếm 6,08%); ngành Thông (Pinophyta) có 3 họ, 4 chi và 5 loài; ngành Thông đất (Lycopodiophyta) có 2 họ, 3 chi và 6 loài; các ngành Cỏ thắp bút (Equisetophyta) và Quyết lá thông (Psilotophyta) có số họ, số chi và số loài thấp nhất (1 họ, 1 chi, 1 loài).

## 2. Tài nguyên cây làm thuốc

Tài nguyên cây làm thuốc ở VQG Xuân Sơn rất phong phú về thành phần loài, đây là nhóm tài nguyên rất quan trọng. Chúng tôi đã điều tra được 665 loài (chiếm 54,6% trong hệ thực vật của VQG) được sử dụng làm thuốc thuộc 139 họ, 6 ngành thực vật bậc cao có mạch, trong đó: Ngành Quyết lá thông (Psilotophyta): 1 họ, 1 loài; ngành Thông đất (Lycopodiophyta): 2 họ, 3 loài; ngành Mộc tặc (Equisetophyta): 1 họ, 1 loài; ngành Dương xỉ (Polypodiophyta): 11 họ, 24 loài; ngành Thông (Pinophyta): 1 họ, 1 loài; ngành Mộc lan (Magnoliophyta): 123 họ, 635 loài (lớp hai lá mầm 554 loài). Các họ có nhiều loài làm thuốc là: Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae): 45 loài; họ Cúc (Asteraceae): 30 loài; họ Đậu (Fabaceae): 29 loài; họ Cà phê (Rubiaceae): 27 loài; họ Dâu tằm (Moraceae): 18 loài; họ Cỏ roi ngựa

(Verbenaceae): 17 loài; họ Tiết dê (Menispermaceae): 15 loài; họ Đơn nem (Myrsinaceae) và họ gừng (Zingiberaceae): 14 loài; họ Ngũ gia bì (Araliaceae); họ Cam (Rutaceae) và họ Lan (Orchidaceae): 13 loài; họ Bạc hà (Lamiaceae) và họ Hoà thảo (Poaceae): 12 loài; họ Hoa mõm chó (Scrophulariaceae) và họ Nho (Vitaceae): 11 loài; họ Ráy (Araceae) và họ Dương xỉ (Polypodiaceae): 10 loài. Trong số 665 loài cây thuốc đã điều tra được, có 22 loài cây thuốc có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2004), Danh Lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (2006) và Danh Lục Đỏ IUCN (2001), chiếm 3,3% tổng số loài cây làm thuốc ở VQG Xuân Sơn, bao gồm:..

*Drynaria bonii* C. Chr. - Tắc kè đá. Thân rễ được sử dụng nhiều

trong y học cổ truyền, làm thuốc chữa đau nhức xương khớp, bệnh về thận, bó gãy xương. Phân hạng: VU (sẽ nguy cấp).

*D. fortunei* (Kuntze ex Mett.) J. Smith. - Cốt toái bổ. Thân rễ là vị thuốc được dùng nhiều trong y học cổ truyền, làm thuốc chữa đau lưng, đau nhức xương khớp, bệnh về thận, dùng tươi để bó gãy xương. Phân hạng: EN (nguy cấp).

*Rauvolfia verticillata* (Lour.) Baill. - Ba gác vòng. Trong vỏ rễ có chứa một số alkaloid dùng làm thuốc chữa cao huyết áp. Phân hạng: VU (sẽ nguy cấp).

*Acanthopanax trifoliatum* (L.) Voss - Ngũ gia bì gai. Vỏ rễ và thân, lá làm thuốc bổ, tăng lực, mạnh gân cốt, kích thích tiêu hoá, chữa đau nhức xương. Phân hạng: VU.

*Asarum caudigerum* Hance - Thổ tế tân. Rễ củ dùng làm thuốc giảm đau, chữa đau gan, tâm phức đau. Phân hạng: R (loài hiếm).

*Codonopsis javanica* (Blume) Hook. - Đẳng sâm. Cây thuốc được sử dụng rộng rãi ở Việt Nam; rễ củ dùng làm thuốc bổ, chữa cơ thể suy nhược, thiếu máu, vàng da, ăn uống khó tiêu. Phân hạng: VU.

*Gynostemma pentaphyllum* (Thunb.) Makino - Dân toòng. Toàn cây bấm nhỏ, phơi khô, nấu nước uống, có tác dụng bổ dưỡng, cường tráng; dùng làm thuốc chữa viêm phế quản, viêm gan, viêm thận, loét dạ dày hành tá tràng, giải độc, chữa ho và long đờm, chống bệnh béo phì. Phân hạng: EN (nguy cấp).

*Strychnos ignatii* Berg. - Mã tiền lông. Hạt chứa 2 alkaloid chính là bruxin và stricnin, được khai thác làm nguyên liệu chiết xuất bruxin. Phân hạng: VU.

*Stephania dielsiana* Y. C. Wu - Củ dóm. Rễ củ dùng làm thuốc kiên vị, chỉ thống; trị phù thũng, giải độc, đau xương khớp. Rễ củ có hoạt chất có tác dụng an thần, giảm đau. Phân hạng: VU.

*Tinospora sagittata* (Oliv.) Gagnep. - Củ gió. Rễ củ dùng làm thuốc có tác dụng tiêu viêm, giải độc, chữa viêm họng, ho mất tiếng, đau bụng ỉa chảy. Phân hạng: VU.

*Ardisia silvestris* Pitard - Lá khôi. Lá sắc uống chữa đau dạ dày, đau bụng. Phân hạng: VU.

*Melientha suavis* Pierre - Rau sắng. Rễ làm thuốc trị sán. Phân hạng: VU.

*Muraya glabra* (Guill.) Guill. - Vương tùng. Cây thuốc chữa cảm cúm, đau nhức; rễ chữa bệnh tê thấp. Lá chứa tinh dầu dùng làm thuốc. Phân hạng: VU.

*Kadsura heteroclita* (Roxb.) Craib. - Xưn xe tạp. Cả cây, rễ và lá được dùng làm thuốc. Phân hạng: VU.

*Limnophylla rugosa* (Roth.) Merr. - Hối nước. Cây dùng làm thuốc chữa bệnh lậu, đau dạ dày, lợi tiểu, chữa mụn nhọt. Phân hạng: VU.

*Disporopsis longifolia* Craib. - Hoàng tinh hoa trắng. Thân rễ được chế biến thành "thực" để làm thuốc bổ, tăng lực, chữa mệt mỏi, đau lưng, đau khớp. Phân hạng: VU.

*Peliosanthes teta* Andr. - Sâm cau. Thân rễ dùng làm thuốc có vị ngọt, tính mát, có tác dụng khử đờm chỉ khái, thư can, chữa ho, di tinh, đau ngực, ngã bị thương. Phân hạng: VU.

*Anoetochilus setaceus* Blume - Kim tuyến tơ. Toàn cây dùng làm thuốc. Phân hạng: EN.

*Dendrobium chrysanthum* Lindl. - Ngọc vạn vàng. Cây thuốc dùng trị miệng khô, táo khát, phổi kết hạch, dạ dày thiếu vị chua; chữa di tinh, thất lưng đau mỏi. Phân hạng: EN.

*Smilax glabra* Wall. ex Roxb. - Thổ phục linh. Thân rễ được dùng làm thuốc chữa phong thấp, gân xương co quắp đau nhức, tràng nhạc, ung nhọt, giải độc thủy ngân. Phân hạng: VU (sẽ nâng cấp).

*Tacca integrifolia* Ker.- Gawl. - Ngải rơm. Thân rễ dùng làm thuốc điều hoà kinh nguyệt. Trong thân rễ còn có diosgenin, là nguyên liệu bán tổng hợp thuốc chống viêm, hooc môn sinh dục và thuốc tránh thai. Phân hạng: VU.

*Paris polyphylla* Sm. subsp. *polyphylla* - Trọng lâu nhiều lá. Thân rễ dùng làm thuốc có tác dụng khử đờm, chỉ khái, thư can, chỉ thống dùng làm thuốc bổ, chữa ho, di tinh, đau ngực, ngã bị thương. Phân hạng: EN.

### 3. Một số cây làm thuốc có tiềm năng:

Trong số 665 loài cây được sử dụng làm thuốc ở VQG Xuân Sơn thì có 25 cây có tiềm năng lớn có thể

phát triển, gây trồng và khai thác tại khu vực này (xem bảng 2).

## IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

(+) Vườn Quốc gia Xuân Sơn có hệ thực vật khá phong phú, đã xác định được có 180 họ, 680 chi, 1.217 loài, trong đó có 40 loài đã được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2004).

(+) Đã điều tra được 665 loài cây thuốc trong VQG Xuân Sơn (chiếm 54,6% trong hệ thực vật của VQG), trong đó có 18 họ trên 10 loài làm thuốc là: Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae): 45 loài; họ Cúc (Asteraceae): 30 loài; họ Đậu (Fabaceae): 29 loài; họ Cà phê (Rubiaceae): 27 loài; họ Dâu tằm (Moraceae): 18 loài; họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae): 17 loài; họ Tiết dê (Menispermaceae): 15 loài; họ Đơn nem (Myrsinaceae) và họ Gừng (Zingiberaceae): 14 loài; họ Ngũ gia bì (Araliaceae); họ Cam (Rutaceae) và họ Lan (Orchidaceae): 13 loài; họ Bạc hà (Lamiaceae) và họ Hoà thảo (Poaceae): 12 loài; họ Hoa mõm chó (Scrophulariaceae) và họ Nho (Vitaceae): 11 loài; họ Ráy (Araceae) và họ Dương xỉ (Polypodiaceae): 10 loài. Có 22 loài cây thuốc quý hiếm được đưa vào Sách Đỏ Việt Nam (2004), Danh Lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (2006) và Danh Lục Đỏ IUCN (2001).

(+) Bên cạnh sự phong phú và đa dạng về thành phần loài, chúng tôi còn điều tra được khoảng 25 loài cây thuốc có tiềm năng có thể khai thác, gây trồng và phát triển ở Xuân Sơn.

(+) Cây thuốc mọc tự nhiên trong rừng là một nguồn lâm sản ngoài gỗ rất quý giá, để khai thác sử dụng bền vững nguồn tài nguyên này chúng tôi đề xuất một số biện pháp sau: Tăng cường quản lý và bảo vệ, có kế hoạch hướng dẫn cho cán bộ và công nhân lâm nghiệp nhận dạng những cây thuốc quan trọng, tránh chặt phá nhầm lẫn trong khi tu bổ và khai thác rừng. Khi khai thác cần xây dựng kế hoạch cụ thể, kèm theo kỹ thuật khai thác, bảo vệ tái sinh. Cấm khai thác những cây thuốc thuộc diện quý hiếm hiện có. Có thể đưa vào trồng thêm một số loài cây thuốc tiềm năng có giá trị kinh tế cao (Ba kích, Bách bộ, Sa nhân...) nhằm góp phần làm tăng thu nhập, cải thiện đời sống của người dân địa phương.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

(1) Nguyễn Tiến Bản, 1997: Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật Hạt kín ở Việt Nam. NXB. Nông nghiệp - Hà Nội; (2) Nguyễn Tiến Bản (Chủ biên), 2003 - 2005: Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tập II + tập III. NXB. Nông nghiệp - Hà Nội; (3) Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2004: Sách đỏ Việt Nam. Tu chính phần

# LÂM NGHIỆP

Thực vật. NXB. Khoa học & Kỹ thuật, Hà Nội; (4) Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2000: Tên cây rừng Việt Nam. NXB. Nông nghiệp - Hà Nội; (5) Võ Văn Chi, 1997: Từ điển cây thuốc Việt Nam. NXB. Y học Tp Hồ Chí Minh; (6) Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001: Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tập I. NXB.

Nông nghiệp - Hà Nội; (7) Phạm Hoàng Hộ, 1992: Cây cỏ Việt Nam. NXB. Montréal; (8) IUCN, 2001: Red List of Threatened Plants. Website: redlist.org; (9) Đỗ Tất Lợi, 1997: Từ điển cây thuốc Việt Nam. NXB. Y học Tp. Hồ Chí Minh.

**Bảng 2. Một số cây thuốc có tiềm năng tại VQG Xuân Sơn – Phú Thọ**

|    | Araliaceae                                            | Họ Ngũ gia bì                                                   |
|----|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1  | <i>Schefflera heptaphylla</i> (L.) Frodin             | Đáng chân chim; Ap chuối' đặng (Dao); Kời gió, thư ròm (Mường)  |
| 2  | <i>Polyscias fruticosa</i> (L.) R. Vig.               | Đinh lăng                                                       |
|    | Asteraceae                                            | Họ Cúc                                                          |
| 3  | <i>Xanthium strumarium</i> L.                         | Ké đầu ngựa                                                     |
|    | Euphorbiaceae                                         | Họ Thầu dầu                                                     |
| 4  | <i>Phyllanthus urinaria</i> L.                        | Chó đẻ răng cưa                                                 |
|    | Fabaceae                                              | Họ Đậu                                                          |
| 5  | <i>Desmodium styracifolium</i> (Osbeck) Merr.         | Kim tiền thảo                                                   |
| 6  | <i>Milletia dielsiana</i> Harms                       | Kê huyết đằng                                                   |
| 7  | <i>Senna tora</i> (L.) Roxb.                          | Thảo quyết minh; Hịa diêm tập (Dao)                             |
|    | Menispermaceae                                        | Họ Tiết dê                                                      |
| 8  | <i>Fibraurea tinctoria</i> Lour.                      | Hoàng đằng; Viêng tăng (Dao)                                    |
| 9  | <i>Stephania dielsiana</i> Y. C. Wu                   | Củ dờm                                                          |
|    | Myrsinaceae                                           | Họ Đơn nem                                                      |
| 10 | <i>Ardisia silvestris</i> Pitard                      | Lá khô; Báng thâm (Mường)                                       |
|    | passifloraceae                                        | Họ lạc tiên                                                     |
| 11 | <i>Passiflora foetida</i> L.                          | Lạc tiên                                                        |
|    | Rubiaceae                                             | Họ Cà phê                                                       |
| 12 | <i>Morinda officinalis</i> How                        | Ba kích; Chày kiềng dôi (Dao); ruột gà, kời khô, roi ca (Mường) |
|    | Rutaceaeae                                            | Họ cam                                                          |
| 13 | <i>Glycosmis pentaphylla</i> (Retz.) Corea            | Cơm rượu (Bưởi bung)                                            |
|    | Scrophulariaceae                                      | Họ Hoa mõm chó                                                  |
| 14 | <i>Adenosma caeruleum</i> R. Br.                      | Nhân trần                                                       |
|    | Vitaceae                                              | Họ Nho                                                          |
| 15 | <i>Ampelopsis cantoniensis</i> (Hook. & Arn.) Planch. | Chè dây; Chò lè (Mường), Huầy sí ton (Dao)                      |
|    | Araceae                                               | Họ Ráy                                                          |
| 16 | <i>Acorus gramineus</i> Soland.                       | Thạch xương bồ                                                  |
| 17 | <i>Homalomena occulta</i> (Lour.) Schott.             | Thiên niên kiện; Hịa hẩu ton (Dao)                              |
|    | Convallariaceae                                       | Họ Mạch môn đông                                                |
| 18 | <i>Disporopsis longifolia</i> Craib.                  | Hoàng tinh hoa trắng; Giàng trang, Blèo nìm sam (Dao).          |
|    | Dioscoreaceae                                         | Họ Củ nâu                                                       |
| 19 | <i>Dioscorea persimilis</i> Prain & Burk.             | Củ mài; Hịa dôi (Dao)                                           |
|    | Smilacaceae                                           | Họ Khúc khắc                                                    |
| 20 | <i>Heterosmilax gaudichaudiana</i> (Kunth) Maxim      | Khúc khắc; The cơm (Mường)                                      |
| 21 | <i>Smilax glabra</i> Wall. ex Roxb.                   | Thổ phục linh; Một hoi dôi (Dao)                                |
|    | Stemonaceae                                           | Họ Bách bộ                                                      |
| 22 | <i>Stemona tuberosa</i> Lour.                         | Bách bộ; Mùi sẩy dôi (Dao)                                      |
|    | Taccaceae                                             | Họ râu hùm                                                      |
| 23 | <i>Tacca chantrieri</i> Andr.                         | Râu hùm                                                         |
|    | Zingiberaceae                                         | Họ Gừng                                                         |
| 24 | <i>Amomum villosum</i> Lour.                          | Sa nhân trắng                                                   |
| 25 | <i>Kaempferia galanga</i> L.                          | Địa liên                                                        |